

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn từ Cát Tiến - Diêm Vân.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc Ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4980/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án mượn tạm đất để phục vụ thu công dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;

Căn cứ Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch

UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân;

Căn cứ Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất để phục vụ thi công dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn từ Cát Tiến - Diêm Vân (Đợt 24: Đất nông nghiệp và cây trồng của 13 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thuộc địa bàn xã Phước Sơn);

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng bồi thường GPMB dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân tại Tờ trình số 2687/TTr-BQLGT ngày 15/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân thuộc địa bàn xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước, với nội dung chính như sau:

1. Điều chỉnh tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ cho 13 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất để thi công dự án thuộc địa bàn xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):

Đơn vị tính: đồng.

| Nội dung chi phí bồi thường hỗ trợ | Theo QĐ số 2031/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh | Điều chỉnh | Chênh lệch tăng (+), giảm (-) |
|---|---|-------------|-------------------------------|
| Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ | 146.927.000 | 169.624.000 | +22.697.000 |
| - Chi phí bồi thường, hỗ trợ: | 144.046.000 | 166.298.000 | +22.252.000 |
| + Bồi thường cây cối hoa màu | 19.171.000 | 22.132.000 | +2.961.000 |
| + Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất | 115.025.000 | 132.794.000 | +17.769.000 |
| + Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân | 9.850.000 | 11.372.000 | +1.522.000 |
| - Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): | 2.881.000 | 3.326.000 | +445.000 |

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

2. Các nội dung khác không điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định này vẫn thực hiện theo Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, các cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG GIÁ TRỊ HỖ TRỢ MƯỢN TẠM ĐẤT ĐỂ PHỤC VỤ THI CÔNG

Dự án: Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Diêm Vân

Đợt 24: Đất nông nghiệp và cây trồng của 13 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thuộc địa bàn xã Phước Sơn

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT | Chủ sử dụng | Địa chỉ | Tờ bản đồ số | Thửa số | Tổng diện tích thửa đất (m2) | Diện tích mượn tạm (m2) | Diện tích còn lại (m2) | Nội dung bồi thường, hỗ trợ | | | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng) |
|----------|--|-------------------------------|--------------|---------|------------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------------|---|----------------------------------|--|
| | | | | | | | | Bồi thường cây cối, hoa màu | Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất | Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân | |
| A | Các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng mượn tạm và bị ảnh hưởng thu hồi (11hộ) | | | | | | | | | | |
| 1 | Huỳnh Thị Bón | Thôn Phụng Sơn, xã Phước Sơn | 23 | 1026 | 254,7 | 119,9 | 134,8 | 540.000 | 3.237.000 | 277.000 | 4.054.000 |
| 2 | Lê Văn Trọng | Thôn Phụng Sơn, xã Phước Sơn | 23 | 973 | 433,4 | 202,4 | 231,0 | 911.000 | 5.465.000 | 468.000 | 6.844.000 |
| 3 | Nguyễn Thị Không | Thôn Phụng Sơn, xã Phước Sơn | 23 | 1083 | 1.840,7 | 661,0 | 1.179,7 | 2.975.000 | 17.847.000 | 1.528.000 | 22.350.000 |
| 4 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Thôn Phụng Sơn, xã Phước Sơn | 29 | 861 | 1.556,9 | 408,5 | 1.148,4 | 1.838.000 | 11.030.000 | 944.000 | 13.812.000 |
| 5 | Nguyễn Văn Thiện | Thôn Lộc Trung, xã Phước Sơn | 15 | 986 | 553,6 | 376,1 | 177,5 | 1.692.000 | 10.155.000 | 870.000 | 12.717.000 |
| 6 | Lê Minh Thành | Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn | 15 | 48 | 1.419,1 | 257,3 | 1.161,8 | 1.158.000 | 6.947.000 | 595.000 | 8.700.000 |
| 7 | Trần Xuân Đào | Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn | 8 | 768 | 862,3 | 564,7 | 297,6 | 2.541.000 | 15.247.000 | 1.306.000 | 19.094.000 |
| 8 | Nguyễn Văn Dũng | Thôn Phụng Sơn, xã Phước Sơn | 23 | 1044 | 1.670,1 | 753,3 | 916,8 | 3.390.000 | 20.339.000 | 1.742.000 | 25.471.000 |
| 9 | Nguyễn Đới (chết) - con ĐDKK Nguyễn Thị Xuân | Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn | 8 | 767 | 536,9 | 464,2 | 72,7 | 2.089.000 | 12.533.000 | 1.073.000 | 15.695.000 |
| 10 | Hà Văn Bảy, vợ Đào Thị Quê; con ĐDKK Hà Huy Khánh | Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn | 8 | 712 | 598,4 | 75,6 | 522,8 | 340.000 | 2.041.000 | 175.000 | 2.556.000 |
| 11 | Phan Mộng Hùng | Thôn Phụng Sơn, xã Phước Sơn | 30 | 45 | 1.502,6 | 377,2 | 1.125,4 | 1.697.000 | 10.184.000 | 872.000 | 12.753.000 |

| TT | Chủ sử dụng | Địa chỉ | Tờ bản đồ số | Thửa số | Tổng diện tích thửa đất (m2) | Diện tích mượn tạm (m2) | Diện tích còn lại (m2) | Nội dung bồi thường, hỗ trợ | | | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng) |
|------------|---|----------------------------------|--------------------|------------|------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|--|--|--|
| | | | | | | | | Bồi thường cây cối, hoa màu | Hỗ trợ cây cối hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất | Hỗ trợ cải tạo đất cho người dân | |
| B | Các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng mượn tạm và bị ảnh hưởng thu hồi (2hộ) | | | | | | | | | | |
| 12 | Trương Thị Mỹ Khanh | Thôn Phụng Sơn, xã Phước Sơn | 23 | 855 | 1.370,4 | 404,3 | | 1.819.000 | 10.916.000 | 935.000 | 13.670.000 |
| 13 | Huỳnh Văn Cư, Vương Thị Hảo | Thôn Lộc Thượng, xã Phước Sơn | 15 | 49 | 1.029,2 | 253,8 | | 1.142.000 | 6.853.000 | 587.000 | 8.582.000 |
| I | Tổng cộng chi phí bồi thường, hỗ trợ (1 + 2 + + 13) | | | | 13.628,3 | 4.918,3 | 6.968,5 | 22.132.000 | 132.794.000 | 11.372.000 | 166.298.000 |
| II | Chi phí phục vụ công tác GPMB (I x 2%) | | | | | | | | | | 3.326.000 |
| III | Tổng cộng (I+II) | | | | | | | | | | 169.624.000 |